

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG RIỀNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2021/DS - ST

Ngày: 29 - 11 - 2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Danh Thanh Phát

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Minh Tuấn

2. Ông Phan Ngọc Lợi

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:***  
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2021/TLST - DS ngày 02 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2021/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Hoàng C, sinh năm: 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

***1.1. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*** Ông Trần Thanh H, sinh năm: 1992 (văn bản ủy quyền ngày 19/3/2021, có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

***2. Bị đơn:*** Ông Nguyễn Thế S, sinh năm: 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã F, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2021 của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Thanh H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 15/9/2019, ông C cho ông S vay tiền là 200.000.000 đồng, hạn 03 ngày sẽ thanh toán, tiền lãi thỏa thuận là 2%/ tháng tương ứng với tiền vay, do tin tưởng nhau nên việc cho vay tiền hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản cho đến thời điểm trước tháng 02/2020, ông S trả cho ông C tiền vay vốn là 50.000.000 đồng và trả tiền lãi theo thỏa thuận hai lần tổng cộng là 11.000.000 đồng. Trong đó, lần đầu trả là 9.000.000 đồng và lần hai trả là 2.000.000 đồng.

Sau đó, ông C nhiều lần liên hệ yêu cầu ông S thanh toán nợ, ông S hứa hẹn và cam kết trả nợ nhưng không thực hiện. Do đó, ông C làm đơn yêu cầu Ban lãnh đạo ấp nơi ông S cư trú giải quyết, ngày 18/01/2021 Ban lãnh đạo ấp X, xã F, huyện G lập biên bản đối với ông S và ông S thừa nhận còn nợ ông C tiền vay vốn là 150.000.000 đồng và tiền lãi kể từ tháng 02/2020 đến nay chưa thanh toán, ông S đề nghị được trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả là 1.500.000 đồng nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Vì vậy, ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S phải trả cho ông tiền vay vốn còn nợ là 150.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật là 20%, kể từ ngày vay tiền cho đến khi xét xử, ông C đồng ý khấu trừ khoản tiền lãi ông S đã thanh toán là 11.000.000 đồng.

Đối với việc ông S đề nghị nguyên đơn xem xét không tính tiền lãi hoặc giảm tiền lãi thì phía nguyên đơn không chấp nhận, do ông S không đưa ra được phương án trả tiền vay vốn còn nợ cho nguyên đơn. Nếu ông S có thiện chí thanh toán nợ thì trong quá trình thi hành án phía nguyên đơn sẽ xem xét giảm tiền lãi cho ông S.

*Ông Nguyễn Thế S là bị đơn trình bày:*

Ngày 15/9/2019, ông có vay tiền của ông C là 200.000.000 đồng, lúc vay tiền ông C không lấy tiền lãi, sau đó hai bên thỏa thuận trả tiền lãi là 2%/ tháng tương ứng với tiền vay, việc vay tiền chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Khoảng 03 tháng sau (không xác định được thời gian cụ thể), ông trả cho ông C tiền vốn vay là 50.000.000 đồng, còn nợ là 150.000.000 đồng. Về tiền lãi, quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản cho đến tháng 01/2020, ông trả tiền lãi cho ông C nhiều lần tổng cộng là 11.000.000 đồng.

Ngày 18/01/2021, tại trụ sở ấp X, xã F, huyện G, ông thừa nhận còn nợ ông C tiền vay vốn là 150.000.000 đồng và tiền lãi kể từ tháng 02/2020 đến nay chưa thanh toán, ông đề nghị được trả dần mỗi tháng là 1.500.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó

khẩn nên vẫn chưa thanh toán nợ được phần nào cho ông C. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông C, ông có ý kiến như sau:

Ông đồng ý trả cho ông C tiền vay vốn còn nợ là 150.000.000 đồng nhưng chưa ấn định được thời gian thanh toán nợ, ông đề nghị được làm thuê cho ông C để trừ nợ, nếu có dư ông sẽ trả thêm; về tiền lãi ông đề nghị phía nguyên đơn xem xét không tính tiền lãi hoặc giảm tiền lãi do hiện tại hoàn cảnh gia đình của ông khó khăn và không có thu nhập ổn định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Hoàng C khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thế S phải trả tiền vay còn nợ, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Thế S là bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông Nguyễn Hoàng C là nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện là ông Trần Thanh H tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, giữa ông H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và ông S thống nhất xác định:

Ngày 15/9/2019, ông C cho ông S vay tiền là 200.000.000 đồng, tiền lãi thỏa thuận là 2%/ tháng tương ứng với tiền vay, quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản cho đến tháng 01/2020 (không xác định được thời gian cụ thể), ông S đã thanh toán cho ông C tiền vay vốn là 50.000.000 đồng và tiền lãi là 11.000.000 đồng, việc cho vay tiền, thanh toán tiền vay (vốn và lãi) hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Vì vậy, có căn cứ xác định ông C và ông S có xác lập hợp đồng vay tài sản với nhau là sự thật.

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, các bên phải thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận và phải phù hợp với quy định của pháp luật; việc ông S thừa nhận nợ và cam kết trả nợ trong quá trình thực hiện hợp đồng, đề nghị được trả dần hàng tháng theo biên bản của Ban lãnh đạo ấp X, xã F

lập ngày 18/01/2021 nhưng không thực hiện là vi phạm về hợp đồng vay tài sản và vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Ông S đề nghị được làm thuê cho ông C để trừ nợ, nếu có dư ông sẽ trả thêm nhưng không được phía nguyên đơn chấp nhận nên đề nghị của ông S là không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử buộc ông S phải có trách nhiệm trả cho ông C tiền vay vốn còn nợ là 150.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu và đề nghị về tiền lãi: Hai bên thừa nhận hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận trả tiền lãi là 2%/ tháng tức là 24%/ năm. Tại phiên tòa, hai bên thống nhất lấy ngày 20/9/2019 và tiền lãi thỏa thuận là 20%/ năm để Tòa án làm cơ sở giải quyết các vấn đề liên quan đến tiền lãi.

Ông S đề nghị phía nguyên xem xét không tính tiền lãi hoặc giảm tiền lãi nhưng không được phía nguyên đơn chấp nhận. Cho nên, việc ông C yêu cầu ông S phải trả tiền lãi theo quy định của pháp luật là 20%/ năm là phù hợp theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

Tiền lãi từ ngày 20/9/2019 cho đến ngày 29/11/2021 là 800 ngày, cụ thể như sau:  $150.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 800 \text{ ngày} / 365 = 65.753.424 \text{ đồng}$  tính tròn là 65.753.000 đồng, nhưng được khấu trừ tiền lãi ông S đã thanh toán là 11.000.000 đồng. Như vậy, ông S còn phải tiếp tục trả cho ông C tiền lãi là 54.753.000 đồng.

Từ những nhận định và căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử buộc ông S phải có trách nhiệm trả cho ông C số tiền vay vốn còn nợ là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 54.753.000 đồng, tổng cộng là 204.753.000 đồng.

Việc ông S nêu lên hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có thu nhập ổn định để thực hiện nghĩa vụ sẽ được xem xét khi thi hành án.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của ông C được chấp nhận nên ông C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông C tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 5.494.000 đồng (năm triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng) do ông Trần Thanh H nộp thay, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005503 ngày 02/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch tương ứng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là  $204.753.000 \text{ đồng} \times 5\% = 10.237.650 \text{ đồng}$  tính tròn là 10.238.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 4 Điều 11, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng C về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Nguyễn Thế S, buộc ông S phải có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền vay vốn còn nợ là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 54.753.000 đồng (năm mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng), tổng cộng là 204.753.000 đồng (hai trăm linh bốn triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với tiền vay vốn theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự (lãi suất 20%/ năm).

2. Về án phí: Trả cho ông Nguyễn Hoàng C tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 5.494.000 đồng (năm triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng) do ông Trần Thanh H nộp thay, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005503 ngày 02/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Ông Nguyễn Thế S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.238.000 đồng đồng (mười triệu hai trăm ba mươi tám nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho ông Nguyễn Hoàng C và ông Nguyễn Thế S biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 29/11/2021.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Danh Thanh Phát**